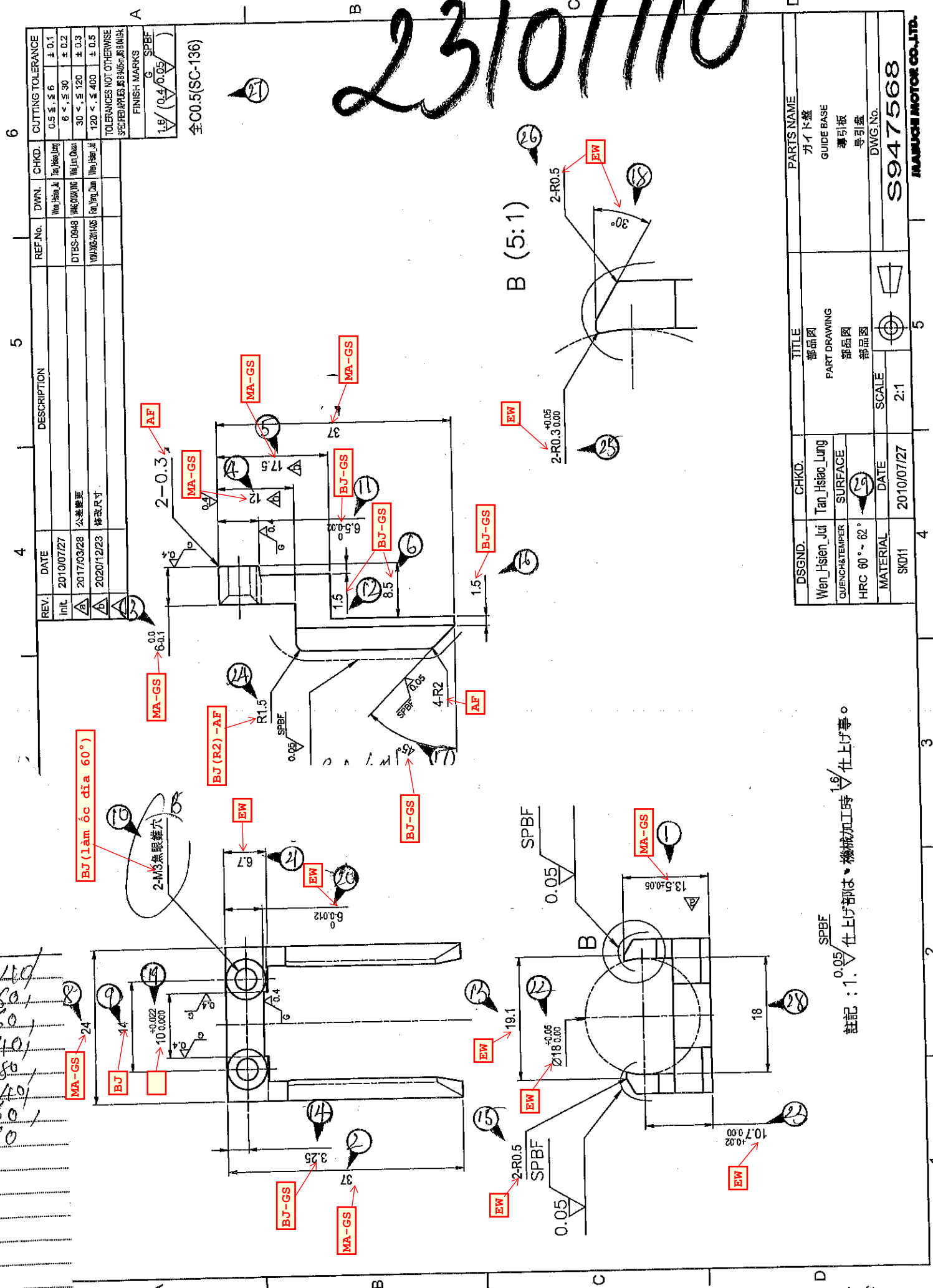


23101110



110/
60/
60/
40/
180/
340/
60/
60/

776x34x47

414 211 0191

| REV. | DATE | DESCRIPTION | REF. No. | DWN. | CHKD. | CUTTING TOLERANCE |
|-------|------------|-------------|--------------|----------------|----------------|-------------------|
| Init. | 2010/07/27 | | | Wen Hsien Lung | Tan Hsiao Lung | 0.5 ± 0.1 |
| A | 2017/03/28 | 公差變更 | DTESS-0848 | Wen Hsien Lung | Tan Hsiao Lung | 0.5 ± 0.2 |
| A | 2020/12/23 | 修改尺寸 | YMA93-011005 | Wen Hsien Lung | Tan Hsiao Lung | 0.5 ± 0.3 |
| A | | | | | | 120 ± 0.5 |
| A | | | | | | 120 ± 0.5 |

| DSGND. | CHKD. | TITLE | PARTS NAME |
|----------------|----------------|---------------------|-------------------------|
| Wen Hsien Lung | Tan Hsiao Lung | 部品図 PART DRAWING | ガイド盤 GUIDE BASE |
| QUENCH&TEMPER | SURFACE | 部品図 PART DRAWING | 導引板 GUIDE BASE |
| HRC 60° ~ 62° | DATE | SCALE | DWG No. |
| MATERIAL | 2010/07/27 | 2:1 | S947568 |
| SK011 | | | INAMURA MOTOR CO., LTD. |

SNO: **S947154**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI

THỜI GIAN CHUẨN 1P

1.VẬT LIỆU:
SKD11
T16*36*50